TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 104/2021/HS-ST Ngày: 05 - 03 - 2021	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN T3 PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

- T3 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Diễn

2. Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Xuân Thìn – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 76/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 74/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2021 đối với:

- Bị cáo:

1. Vũ Văn N, sinh năm 1977 tại N Định; Hộ khẩu thường trú: 2/16B, khu phố 1, phường T, T3 phố B, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: Như trên; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Vũ Ngọc C, đã chết và bà Trịnh Thị S, sinh năm 1940; Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ 5; Vợ Đinh Thị T, sinh năm 1980, có 02 con sinh 1988 và 2009; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Năm 2014 bị Công an T3 phố B xử phạt hành chính về hành vi kinh doanh không có giấy phép; Bị cáo bị bắt ngày 24/9/2020 đến ngày 02/10/2020 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Mạnh T2, sinh năm 1994 tại N Định; Hộ khẩu thường trú: 291 đường T, phường L, T3 phố N, tỉnh N Định; Chỗ ở hiện nay: số 117 P, phường

T, T3 phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Phạm H, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Ngọc H2, sinh năm 1974; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Chung sống như vợ chồng với chị Nguyễn Thúy Q, sinh năm 1996, có 01 con sinh năm 2017, Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: bị cáo từng bị Công an xử phạt hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng vào năm 2012; Bị cáo bị bắt ngày 24/9/2020 đến ngày 02/10/2020 được hủy bỏ tạm giữ và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Trịnh Duy T3, sinh năm 1989 tại N Định; Hộ khẩu thường trú: phố C, xã T, huyện N, tỉnh N Định; Chỗ ở hiện nay: 117 P, khu phố 1, phường T, T3 phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Trịnh Duy C, sinh năm 1958 và bà Phạm Thị M, sinh năm 1960 ; Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt ngày 24/9/2020 đến ngày 02/10/2020 được hủy bỏ tạm giữ và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Văn H3, sinh năm 1978 tại Thanh Hóa; Hộ khẩu thường trú: tổ 1, khu phố 4A, phường T, T3 phố B, tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: Như trên; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Công H4, sinh năm 1950 và bà Vũ Thị Q, sinh năm 1955; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1982, có 04 con lớn sinh 2002 và nhỏ sinh 2016; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt ngày 24/9/2020 đến ngày 02/10/2020 được hủy bỏ tạm giữ và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Trịnh Thế C, sinh năm 1987 tại Hải Dương; Hộ khẩu thường trú: tổ 7C, khu phố 4, phường T, T3 phố B, tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: Như trên; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Trịnh Thế Đ, sinh năm 1963 và bà Ngô Thị Ph, đã chết; Gia đình có 02 anh chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ Bùi Thị Huế, sinh năm 1991, có 02 con sinh 2011 và 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt ngày 24/9/2020 đến ngày 02/10/2020 được hủy bỏ tạm giữ và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Lê Văn T4, sinh năm 1973 tại Thanh Hóa; Hộ khẩu thường trú: 13/26, khu phố 4, phường T, T3 phố B, tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: Như trên; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Lê Văn Th1, sinh năm 1933 và bà Hoàng Thị Th2, sinh năm 1934; Gia đình có 09 anh chị em, bị cáo là con thứ 8; Vợ Vũ Thị H5, sinh năm 1976, Có 03 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2008 Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt ngày 24/9/2020 đến ngày 02/10/2020 được hủy bỏ tạm giữ và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Doãn Văn C1, sinh năm 1989 tại N Định; Hộ khẩu thường trú: tổ 27A, khu phố 4, phường T, T3 phố B, tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: Như trên: Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo:

Không; quốc tịch: Việt N; con ông Doãn Văn H6, sinh năm 1963 và bà Phạm Thị Ng1, sinh năm 1965; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ 2; Vợ Lý Mỹ Ng2, sinh năm 1995, có 01 con sinh 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt ngày 24/9/2020 đến ngày 02/10/2020 được hủy bỏ tạm giữ và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - bị cáo có mặt tại phiên tòa - bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng: Anh Đinh Văn Th3, sinh năm 1991 – vắng mặt.

Địa chỉ: khu phố 4, phường T, T3 phố B, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại phòng trên lầu 1 nhà của Vũ Văn N địa chỉ tổ 31, khu phố 3, phường T, T3 phố B, tỉnh Đồng Nai, N cùng với Phạm Mạnh T2 và Trịnh Duy T3 đã sử dụng địa điểm nêu trên tổ chức cho Nguyễn Văn H3, Lê Văn T4, Trịnh Thế C và Doãn Văn C1 thực hiện hành vi đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài "Tam Bát Cửu" (Cào cái 3 lá), để hưởng tiền xâu. N phân công: T2 ở bên ngoài nhà trông xe và C giới, phát hiện lực lượng chức năng thì báo cho N biết; T3 ở bên trong nhà gác cửa, ai muốn ra vào phải được sự đồng ý của N thì T3 mới được mở cửa. T2 và T3 biết việc gác cửa, C giới cho việc đánh bạc nhưng vẫn đồng ý thực hiện theo sự phân công của N. H3, C, T4 và C1 thực hiện hành vi đánh bạc với cách thức như sau:

Mỗi ván bài người chơi đặt tiền cược trước vào "tụ" của mình với số tiền từ 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) đến 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Sau đó, người chia bài dùng bộ bài Tây (loại 52 lá) đã bỏ đi các lá bài 10, J, Q, K, chia đều mỗi "tụ" 03 (Ba) lá bài, rồi tính điểm để xác định thắng – thua. Cách tính điểm: Lá bài Át (A) tính 01 (một) điểm, lá bài in số (2, 3, 4 ...) tính điểm tương đương số in trên lá bài đó. Người chia bài (làm cái) là người ván trước đó bài được 10 điểm. Khi lật bài lên người làm cái sẽ lấy bài của mình so sánh với từng "tụ", nếu bài của người làm cái lớn hơn bài của "tụ" nào, thì người làm cái sẽ thắng và ngược lại: Bài cao nhất là bài có 03 lá bài thứ tự liên tiếp nhau đồng chất đồng màu (sảnh tiến) sẽ thắng gấp 04 lần tiền cược; Kế đến là bài có 03 lá bài giống nhau (sáp) sẽ thắng gấp 03 lần tiền cược; Kế tiếp là bài có tổng các con số trên lá bài, có số điểm lần lượt là 10, 9, 8, 7..., nếu trên 10 điểm thì lấy hàng đơn vị để tính điểm, 20 điểm và 30 điểm sẽ tính là 10 điểm, nếu bằng điểm nhau thì tính theo lá bài có chất cao hơn theo thứ tự cơ, rô, chuồn, bích, trong đó 10 điểm là cao nhất sẽ thắng gấp 02 lần tiền cược, còn lại sẽ thắng bằng số tiền cược.

Quá trình đánh bạc N không quy định mức thu xâu mà người đánh bạc tự thỏa thuận với quy tắc ai thắng được 10 điểm sẽ bỏ ra 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tiền xâu, để N chia cho T2, T3.

Số tiền từng người sử dụng đánh bạc như sau:

Lê Văn T4 mang theo 69.000.000đ (Sáu mươi chín triệu đồng), sử dụng 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để đánh bạc. Quá trình đánh bạc T4 thắng 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Khi bị bắt, thu giữ của T4 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) để dưới chiếu bạc đang dùng đánh bạc, còn 49.000.000đ (Bốn mươi chín triệu đồng) để trong người, không dùng đánh bạc.

Trịnh Thế C mang theo 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng), sử dụng 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng) để đánh bạc. Quá trình đánh bạc C thắng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Khi bị bắt, thu giữ của C 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) để dưới chiếu bạc đang dùng đánh bạc, còn 2.000.000đ (Hai triệu đồng) để trong người, không dùng đánh bạc.

Doãn Văn C1 mang theo và sử dụng 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng) để đánh bạc. Quá trình đánh bạc C1 thua 11.000.000đ (Mười một triệu đồng). Khi bị bắt, thu giữ của C1 5.000.000đ (Năm triệu đồng) để dưới chiếu bạc đang dùng đánh bạc.

Nguyễn Văn H3 mang theo 35.400.000đ (Ba mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng), sử dụng 15.400.000đ (Mười lăm triệu bốn trăm nghìn đồng) để đánh bạc. Quá trình đánh bạc H3 thua 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Khi bị bắt, thu giữ của H3 13.400.000đ (Mười ba triệu bốn trăm nghìn đồng) để dưới chiếu bạc đang dùng đánh bạc, còn 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để trong người, không dùng đánh bạc.

Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, N đã thu được 8.000.000đ (Tám triệu đồng) tiền xâu và đang ngồi xem H3, C, T4, C1 đánh bạc thì bị Đội C sát hình sự Công an thành phố B kiểm tra, phát hiện bắt quả tang. Khi thấy lực lượng Công an đến, H3, C, T4 và C1 vứt bỏ tiền dùng đánh bạc đang cầm trên tay xuống chiếu bạc. Công an thu giữ 8.000.000đ (Tám triệu đồng) tiền xâu và 60.400.000đ (Sáu mươi triệu bốn trăm nghìn đồng) đang dùng đánh bạc để trên chiếu bạc.

Vật chứng vụ án:

- 01 (Một) bộ bài tây loại 52 lá sử dụng đánh bạc.

- Thu giữ trên chiếu bạc số tiền dùng đánh bạc 60.400.000đ (Sáu mươi triệu bốn trăm nghìn đồng) và 8.000.000đ (Tám triệu đồng) tiền xâu.

- Thu giữ trên người số tiền 92.600.000đ (Chín mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng) không dùng đánh bạc, cụ thể: Vũ Văn N 12.300.000đ (Mười hai triệu ba trăm nghìn đồng), Phạm Mạnh T2 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng), Trịnh Duy T3 8.000.000đ (Tám triệu đồng), Nguyễn Văn H3 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), Trịnh Thế C 2.000.000đ (Hai triệu đồng), Lê Văn T4 49.000.000đ (Bốn mươi chín triệu đồng).

Cơ quan C sát điều tra Công an thành phố B đã thu giữ và giao trả số tài sản không liên quan đến việc phạm tội gồm:

01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia 8800, 01 (Một) xe ô tô hiệu Hyundai Santafe biển số 60A-470.33 của Vũ Văn N.

01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone X của Phạm Mạnh T2.

01 (Một) xe mô tô hiệu HondaAirBlade màu đỏ biển số 65F1-238.13, 01 (Một) điện thoại di động hiệu Lennovo màu đen của Trịnh Duy T3.

01 (Một) xe ô tô hiệu Suzuki Ciaz biển số 60A-634.87 của anh Nguyễn Văn H6 (bạn của H3) là chủ sở hữu và 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 promax của Nguyễn Văn H3.

01 (Một) xe mô tô hiệu SH biển số 60F3-614.79, 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone MaxPro của Trịnh Thế C.

01 (Một) xe mô tô hiệu Vision biển số 60F2-273.61, 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus của Lê Văn T4.

01 (Một) điện thoại di động hiệu 11 promax, 01 (Một) xe ô tô hiệu Hyundai Santafe biển số 60A-497.50 của Doãn Văn C1.

Tại Cáo trạng số 110/CT-VKSBH ngày 29/01/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân T3 phố B, tỉnh Đồng Nai truy tố các bị cáo Vũ Văn N, Phạm Minh T2 và Trịnh Duy T3 về tội "Tổ chức đánh bạc" quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự, các bị cáo Nguyễn Văn H3, Trịnh Thế C, Lê Văn T4 và Doãn Văn C1 về tội "Đánh bạc", theo điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Áp dụng điểm c, d khoản 1 Điều 322, Điều 35; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt các bị cáo

Vũ Văn N từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

Phạm Mạnh T2 từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng.

Trịnh Duy T3 từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt các bị cáo:

Lê Văn T4 từ 02 năm 08 tháng tù đến 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật.

Trịnh Thế C từ 02 năm 06 tháng tù đến 02 năm 10 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật.

Doãn Văn C1 02 năm tù 04 tháng tù đến 02 năm 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật .

Nguyễn Văn H3 từ 02 năm 02 tháng tù đến 02 năm 04 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật.

Phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Văn H3, Doãn Văn C1, Trịnh Thế C và Lê Văn T4 mỗi bị cáo 10.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Tòa án tuyên :

Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) bộ bài tây loại 52 lá sử dụng đánh bạc.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 68.400.000đ (Sáu mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng) là tiền các bị can sử dụng đánh bạc.

Tiếp tục tạm giữ số tiền gồm: Vũ Văn N 12.300.000đ (Mười hai triệu ba trăm nghìn đồng), Phạm Mạnh T2 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng), Trịnh Duy T3 8.000.000đ (Tám triệu đồng), Nguyễn Văn H3 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), Trịnh Thế C 2.000.000đ (Hai triệu đồng), Lê Văn T4 49.000.000đ (Bốn mươi chín triệu đồng) để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tống đạt hợp lệ và đầy đủ. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi bị truy tố, tội danh và các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Từ khoảng 21 giờ 30 phút đến khoảng 22 giờ 30 phút ngày 23-9-2020, tại nhà của Vũ Văn N thuộc tổ 31, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, N cùng với Phạm Mạnh T2 và Trịnh Duy T3 tổ chức cho Nguyễn Văn H3, Trịnh Thế C, Lê Văn T4 và Doãn Văn C1 thực hiện hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh bài "Tam Bát Cửu" thắng thua bằng tiền với số tiền dùng đánh bạc là 68.400.000đ (Sáu mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng) thì bị Đội C sát hình sự Công an thành phố B phát hiện bắt quả tang.

Hành vi của các bị cáo Vũ Văn N, Phạm Minh T2 và Trịnh Duy T3 phạm vào tội "Tổ chức đánh bạc" quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; các bị cáo Nguyễn Văn H3, Trịnh Thế C, Lê Văn T4 và Doãn Văn Đức phạm vào tội "Đánh bạc", theo điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Bản cáo trạng Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ và hoàn toàn đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, là nguyên nhân làm

phát sinh các tệ nạn xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, nên cần phải có một mức án nghiêm nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Vụ án này mang tính chất đồng phạm giản đơn nên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng cần đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nhóm tổ chức đánh bạc:

Bị cáo Vũ Văn N là người tổ chức sòng bạc, phân công Phạm Mạnh T2 và Trịnh Duy T3 trông xe, canh gác đánh bạc, là người trực tiếp thu xâu và sử dụng nhà mình làm nơi tổ chức đánh bạc nên có vai trò cao hơn bị cáo T2, T3.

Phạm Mạnh T2, Trịnh Duy T3 là người giúp sức cho Vũ Văn N tổ chức đánh bạc, có vai trò ngang nhau và thấp hơn bị cáo N.

Nhóm đánh bạc:

Bị cáo Lê Văn T4 sử dụng số tiền 20.000.000 đồng để đánh bạc cao nhất trong vụ án, bị cáo thắng 4.000.000 đồng nên có vai trò cao hơn nhất trong vụ án.

Bị cáo Trịnh Thế C sử dụng số tiền đánh bạc là 17.00.000 đồng, cao thứ hai trong vụ án, bị cáo thắng 1.000.000 đồng nên giữ vai trò thấp hơn bị cáo T4 nhưng cao hơn bị cáo H3 và bị cáo C1.

Doãn Văn C1 mang theo số tiền 16.000.000 đồng và Nguyễn Văn H3 mang theo số tiền 15.400.000 đồng để đánh bạc, bị cáo H3 thua 2.000.000 đồng, bị cáo C1 thua 11.000.000 đồng nên có vai trò ngang nhau và thấp hơn bị cáo T4, C.

Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét, đánh giá đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo:

Về nhân thân: các bị cáo N, T2 từng bị xử phạt hành chính.

Về tình tiết tăng nặng: Không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo T3 khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu, có hoàn C khó khăn; bị cáo N có cha là người có công với cách mạng, được tặng thưởng nhiều huân, huy chương. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trên được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do các bị cáo N, T2, T3 được hưởng lợi từ việc tổ chức đánh bạc rất thấp, các bị cáo đều có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Thiết nghĩ chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo cũng đủ để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

Các bị cáo H3, C, T4 và C1 hiện đang có việc làm ổn định và có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại chấp hành tốt các chính sách pháp luật. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù có điều kiện đối với các bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) bộ bài tây loại 52 lá sử dụng đánh bạc.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 68.400.000đ (Sáu mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng) là tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc.

Tiếp tục tạm giữ số tiền gồm: Vũ Văn N 12.300.000đ (Mười hai triệu ba trăm nghìn đồng), Phạm Mạnh T2 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng), Trịnh Duy T3 8.000.000đ (Tám triệu đồng), Nguyễn Văn H3 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), Trịnh Thế C 2.000.000đ (Hai triệu đồng), Lê Văn T4 49.000.000đ (Bốn mươi chín triệu đồng) để đảm bảo thi hành án.

[4] Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:

Quan điểm Kiểm sát viên tại phiên tòa sẽ được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Quá trình điều tra, ban đầu N khai nhận vào thời gian (không xác định được) N có cùng một số đối tượng (không rõ lai lịch, địa chỉ) đánh bạc tại nhà của N (không xác định được số tiền dùng đánh bạc) nhưng sau đó N thay đổi lời khai không tham gia đánh bạc các lần trước ngày bị bắt quả tang. Kết quả điều tra không xác định được thời gian đánh bạc, những người tham gia đánh bạc và số tiền sử dụng đánh bạc nên không đủ cơ sở để xử lý hình sự đối với N về các lần đánh bạc trước đó.

Đối với Đinh Văn Thực: Thực khai có mặt tại sòng bạc, N có nhờ Thực giữ tiền, nếu N tham gia đánh bạc thì sẽ gọi Thực mang tiền vào cho N đánh bạc, tuy nhiên do N không đánh bạc nên Thực chỉ ngồi xem. Quá trình điều tra làm rõ N không tham gia đánh bạc, Thực chỉ ngồi xem chứ không tham gia đánh bạc. Do đó không đủ cơ sở chứng minh Thực là đồng phạm trong vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Vũ Văn N, Phạm Minh T2 và Trịnh Duy T3 phạm tội "Tổ chức đánh bạc"; các bị cáo Nguyễn Văn H3, Trịnh Thế C, Lê Văn T4 và Doãn Văn C1 phạm tội "Đánh bạc".

2.Về hình phạt:

Áp dụng điểm c, d khoản 1 Điều 322, Điều 35; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt các bị cáo

Vũ Văn N 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng)

Phạm Mạnh T2 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng)

Trịnh Duy T3 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng)

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt các bị cáo:

Lê Văn T4 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án.

Trịnh Thế C 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm 08 (tám) tháng tính từ ngày tuyên án.

Doãn Văn C1 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án.

Nguyễn Văn H3 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án.

Phạt bổ sung các bị cáo Lê Văn T4, Trịnh Thế C, Nguyễn Văn H3 và Doãn Văn C1 mỗi bị cáo 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Giao các bị cáo Nguyễn Văn H3, Trịnh Thế C, Lê Văn T4, Doãn Văn C1 cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp các bị cáo Nguyễn Văn H3, Trịnh Thế C, Lê Văn T4, Doãn Văn C1 thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát và giáo dục các bị cáo được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) bộ bài tây loại 52 lá sử dụng đánh bạc.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 68.400.000đ (Sáu mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng) là tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc.

Tiếp tục tạm giữ số tiền gồm: Vũ Văn N 12.300.000đ (Mười hai triệu ba trăm nghìn đồng), Phạm Mạnh T2 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng), Trịnh Duy T3 8.000.000đ (Tám triệu đồng), Nguyễn Văn H3 20.000.000đ (Hai mươi triệu

đồng), Trịnh Thế C 2.000.000đ (Hai triệu đồng), Lê Văn T4 49.000.000đ (Bốn mươi chín triệu đồng) để đảm bảo thi hành án.

Toàn bộ số vật chứng trên được giao qua Chi cục Thi hành án dân sự T3 phố B theo biên lai số 000492 và biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/03/2021.

4. Về án phí: Căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Viện Kiểm sát nhân dân, T3 phố B;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan C sát điều tra – Công an T3 phố B;
- Cơ quan Thi hành án hình sự – Công an T3 phố B;
- Nhà tạm giữ – Công an T3 phố B;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an T3 phố B;
- Chi Cục Thi hành án dân sự T3 phố B;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Quyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Quyên